

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2019.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Diệu H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần B**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/5/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Diệu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Diệu H và anh Trần B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 02/02/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh Trần B ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm. Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 6/2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần B.

Về con chung: Chị Dương Thị Diệu H trình bày vợ chồng có 01 người con chung là Trần Khánh B, sinh ngày 09/8/2012. Chị H yêu cầu được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Diệu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Dương Thị Diệu H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu Trần Khánh B, bản sao sổ hộ khẩu gia đình chị H, anh B; bản sao chứng minh nhân dân của chị H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là anh Trần B nhưng trong thời hạn luật định anh B không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Trần B, bà Lê Thị H (mẹ anh B) cho biết đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho anh B gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Gia đình đã thông báo, giao lại các văn bản tố tụng nói trên cho anh B nhưng do bận công việc anh B không đến Tòa án được. Mâu thuẫn vợ chồng anh B chị H đã được gia đình hòa giải nhiều lần. Nay chị H yêu cầu ly hôn gia đình không có ý kiến.

Tại phiên tòa ngày 30/7/2019 anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 09/8/2019, đồng thời tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh B. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Diệu H về việc xin ly hôn anh B; giao cháu Trần Khánh B, sinh ngày 09/8/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại các Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập anh Trần B là hợp lệ nhưng anh B đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, các phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Diệu H và anh Trần B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 02/02/2009. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh B là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 6/2018 cho đến nay chị H, anh B sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu không ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh B không trực tiếp đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và đều vắng mặt tại các phiên tòa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hương.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Vợ chồng chị H, anh B có 01 người con chung là Trần Khánh B, sinh ngày 09/8/2012, hiện đang do chị H nuôi dưỡng, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với chị H nên áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con; giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích nhưng chị H không yêu cầu cấp dưỡng và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Diệu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Diệu H. Chị Dương Thị Diệu H được ly hôn anh Trần B.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Trần Khánh B, sinh ngày 09/8/2012 cho chị Dương Thị Diệu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Trần B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần B có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Dương Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006551 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND thị trấn L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang